
Bản án số 868/2026/DS-PT
Ngày 30-7-2026
V/v: “T/c hợp đồng hợp tác”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Giang

Ông Nguyễn Quốc Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nguyễn Anh Đài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 957/2026/TLPT-DS ngày 19 tháng 6 năm 2026 về “Tranh chấp hợp đồng hợp tác”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2026/DSST ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1085/2026/QĐXXPT-DS ngày 22 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông Lê Hồng P**, sinh năm 1980

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tùng L, sinh năm 1968 (có mặt).

Cùng cư trú khu vực T, xã T, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Bị đơn: **Ông Hồng Châu L1**, sinh năm 1980; cư trú ấp T, xã C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Nhật A, sinh năm 1998; cư trú số A, đường M, phường C, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1981; cư trú ấp T, xã C, thành phố Cần Thơ.

- Người kháng cáo: nguyên đơn ông Lê Hồng P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2026/DSST ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ thể hiện:

Phần trình bày của bị đơn ông Hồng Châu L1 theo đơn khởi kiện (ban đầu, trước khi rút đơn khởi kiện) ngày 03 tháng 5 năm 2024 và trong quá trình tố tụng như sau:

Vào tháng 02 năm 2024, bị đơn và nguyên đơn có hợp tác với nhau để thu mua lúa của nông dân ở Nông trường C, thành phố Cần Thơ. Theo thỏa thuận, bị đơn sẽ ứng tiền giao cho nguyên đơn để nguyên đơn trực tiếp thu mua lúa giao lại cho bị đơn.

Đến ngày 22 tháng 3 năm 2024, bị đơn và nguyên đơn lập bảng đối chiếu về việc ứng tiền và giao lúa. Theo đó, bị đơn đã giao cho nguyên đơn tổng số tiền là 7.209.000.000 đồng (bảy tỷ hai trăm lẻ chín triệu đồng); nguyên đơn đã thu mua lúa giao lại cho bị đơn tương ứng số tiền là 7.516.978.600 đồng (bảy tỷ năm trăm mười sáu triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm đồng). Như vậy, bị đơn còn nợ lại của nguyên đơn số tiền chênh lệch là 307.978.600 đồng (ba trăm lẻ bảy triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm đồng) và bị đơn đồng ý trả lại nguyên đơn số tiền này.

Vì vậy, bị đơn đã rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện và không đồng ý yêu cầu phản tố của ông Lê Hồng P.

Phần trình bày của nguyên đơn ông Lê Hồng P theo đơn phản tố ngày 29 tháng 5 năm 2024 và trong quá trình tố tụng như sau:

Nguyên đơn không thống nhất nội dung tại bảng đối chiếu về việc ứng tiền và giao lúa ngày 22 tháng 3 năm 2024. Theo đó, bị đơn mới giao cho nguyên đơn tổng số tiền là 5.909.000.000 đồng (năm tỷ chín trăm lẻ chín triệu đồng); còn nguyên đơn đã thu mua lúa giao lại cho bị đơn tương ứng số tiền là 7.591.176.600 đồng (bảy tỷ năm trăm chín mươi một triệu một trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm đồng). Như vậy, bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền chênh lệch là 1.682.176.600 đồng (một tỷ sáu trăm tám mươi hai triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn sáu trăm đồng).

Nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên đới trả lại số tiền chênh lệch là 1.682.176.600 đồng (một tỷ sáu trăm tám mươi hai triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn sáu trăm đồng) và tiền lãi từ ngày 01 tháng 3 năm 2024 đến ngày 01 tháng 02 năm 2026 là 309.502.494 đồng (ba trăm lẻ chín triệu năm trăm lẻ hai ngàn bốn trăm chín mươi bốn đồng), được tính như sau: $1.652.978.600đ \times 0,83\%/tháng \times 23\text{ tháng} = 309.502.494\text{ đồng}$; tổng cộng là 1.991.697.094 đồng (một tỷ chín trăm chín mươi một ngàn sáu trăm chín mươi bảy ngàn không trăm chín mươi bốn đồng).

Phần trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà có biết việc chồng bà là bị đơn có hợp tác với nhau để thu mua lúa của nông dân ở Nông trường C, thành phố Cần Thơ. Theo thỏa thuận, bị đơn sẽ ứng

tiền giao cho nguyên đơn để nguyên đơn trực tiếp thu mua lúa giao lại cho bị đơn.

Ngày đối chiếu công nợ, ngày 22 tháng 3 năm 2024, bị đơn và nguyên đơn lập bảng đối chiếu về việc ứng tiền và giao lúa cũng có mặt bà nhưng bà không ký tên vào biên bản nên không đồng ý liên đới trả số tiền chênh lệch là 1.682.176.600 đồng (một tỷ sáu trăm tám mươi hai triệu một trăm bảy mươi sáu ngàn sáu trăm đồng) và tiền lãi từ ngày 01 tháng 3 năm 2024 đến ngày 01 tháng 02 năm 2026 là 309.502.494 đồng (ba trăm lẻ chín triệu năm trăm lẻ hai ngàn bốn trăm chín mươi bốn đồng), được tính như sau: $1.652.978.600đ \times 0,83\%/tháng \times 23 tháng = 309.502.494$ đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2026/DSST ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ đã tuyên:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hồng P đối với bị đơn ông Hồng Châu L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Diệu .

Buộc bị đơn ông Hồng Châu L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn ông Lê Hồng P số tiền 307.978.600 đồng (ba trăm lẻ bảy triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Hồng Châu L1 do rút yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí đo đạc, định giá và quyền kháng cáo theo quy định.

Dương sự kháng cáo:

Ngày 24 tháng 02 năm 2026, nguyên đơn ông Lê Hồng P kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2026/DSST ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hồng P, buộc bị đơn ông Hồng Châu L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn ông Lê Hồng P số tiền là 1.652.978.600 đồng (một tỷ sáu trăm năm mươi hai triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm đồng) và tiền lãi từ ngày 01 tháng 3 năm 2024 đến ngày 01 tháng 02 năm 2026 là 309.502.494 đồng (ba trăm lẻ chín triệu năm trăm lẻ hai ngàn bốn trăm chín mươi bốn đồng), được tính như sau: $1.652.978.600đ \times 0,83\%/tháng \times 23 tháng = 309.502.494$ đồng.

Tại phiên tòa dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Phần phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục: Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và việc thẩm tra tại phiên tòa, nhận thấy Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2026/DSST ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ đã giải quyết có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật:

Từ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồng Châu L1, yêu cầu phản tố của bị đơn ông Lê Hồng P xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hợp đồng hợp tác theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về sự thay đổi địa vị tố tụng tại phiên tòa:

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Hồng Châu L1 rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Lê Hồng P vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố nên cấp sơ thẩm xác định lại tư cách đương sự, áp dụng việc thay đổi địa vị tố tụng tại phiên tòa, xác định bị đơn ông Lê Hồng P trở thành nguyên đơn và nguyên đơn ông Hồng Châu L1 trở thành bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo về việc xác định số tiền nợ trong hợp tác mua bán lúa:

Vào tháng 02 năm 2024, bị đơn và nguyên đơn có hợp tác với nhau để thu mua lúa của nông dân ở Nông trường C, thành phố Cần Thơ. Theo thỏa thuận, bị đơn sẽ ứng tiền giao cho nguyên đơn để nguyên đơn trực tiếp thu mua lúa giao lại cho bị đơn.

Do hai bên có mâu thuẫn nên ngày 22 tháng 3 năm 2024, bị đơn và nguyên đơn có nhờ Tổ Pháp chế của Công ty N2, thành phố Cần Thơ lập Bảng đối chiếu về việc ứng tiền và giao lúa. Theo đó, thống nhất xác nhận bị đơn đã giao cho nguyên đơn tổng số tiền là 5.909.000.000 đồng (năm tỷ chín trăm lẻ chín triệu đồng); nguyên đơn đã thu mua lúa giao lại cho bị đơn tương ứng số

tiền là 7.516.978.600 đồng (bảy tỷ năm trăm mười sáu triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm đồng). Như vậy, bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền chênh lệch là 1.607.978.600 đồng (một tỷ sáu trăm lẻ bảy triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm đồng).

Sau đó, khi khởi kiện, bị đơn cho rằng nguyên đơn có ứng tiền 02 (hai) lần bằng 02 (hai) chứng từ: 01(một) chứng từ ứng số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) và 01 (một) chứng từ ứng số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) chưa được đối chiếu vào Bảng đối chiếu về việc ứng tiền và giao lúa ngày 22 tháng 3 năm 2024 nên phải được trừ vào số tiền bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền chênh lệch là 1.607.978.600 đồng (một tỷ sáu trăm lẻ bảy triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, 02 (hai) chứng từ này: (01(một) chứng từ ứng số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) và 01 (một) chứng từ ứng số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng)) đã được người làm chứng là ông Trần Hoàng N và ông Trần Thanh N1 – thuộc Tổ Pháp chế của Công ty N2, thành phố Cần Thơ – khẳng định là chưa được đối chiếu vào Bảng đối chiếu về việc ứng tiền và giao lúa ngày 22 tháng 3 năm 2024.

Như vậy, đã có căn cứ pháp lý để xác định bị đơn chỉ còn nợ lại nguyên đơn số tiền là 307.978.600 đồng (ba trăm lẻ bảy triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm đồng).

[2.2]. Xét kháng cáo về việc xác định số tiền lãi trong hợp tác mua bán lúa:

Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng hợp tác và hai bên chưa có thỏa thuận khác nên chỉ xác định quyền, nghĩa vụ của các bên giao kết, chưa thỏa thuận về phân chia hoa lợi, lợi tức, chưa có hoa lợi, lợi tức nên không tính lãi suất như cấp sơ thẩm đã nhận định.

Trường hợp tính lãi chỉ tính khi hai bên có thỏa thuận về góp tiền mà thành viên hợp tác chậm thực hiện thì phải có trách nhiệm trả lãi đối với phần tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

[2.3]. Xét kháng cáo về việc xác định nghĩa vụ liên đới của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có biết việc chồng bà là bị đơn có hợp tác với nguyên đơn để thu mua lúa của nông dân ở Nông trường C, thành phố Cần Thơ. Ngày đối chiếu công nợ, ngày 22 tháng 3 năm 2024, bị đơn và nguyên đơn lập bảng đối chiếu về việc ứng tiền và giao lúa cũng có mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Như vậy, việc hợp tác thu mua lúa giữa nguyên đơn và bị đơn đều có sự tham gia và chứng kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đây là giao dịch có giá trị lớn trong thời kỳ hôn nhân mà không có ý kiến phản đối tại thời điểm đối chiếu công nợ, ngày 22 tháng 3 năm 2024 là đồng nghĩa với việc

đây là giao dịch chung của vợ chồng nên phải cùng có nghĩa vụ chung theo quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì vậy, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải cùng liên đới với bị đơn để thực hiện nghĩa vụ chung với nguyên đơn.

[3]. Nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đồng nhất với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: bị đơn không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Hồng P.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2026/DSST ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hồng P.

Buộc bị đơn ông Hồng Châu L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn ông Lê Hồng P số tiền 307.978.600 đồng (ba trăm lẻ bảy triệu chín trăm bảy mươi tám ngàn sáu trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu của bị đơn ông Hồng Châu L1 do rút yêu cầu.

3. Về án phí

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Lê Hồng P phải chịu số tiền là 61.404.900 đồng (sáu mươi một triệu bốn trăm lẻ bốn ngàn chín trăm đồng); chuyển số tiền tạm ứng 32.614.000 đồng (ba mươi hai triệu sáu trăm mười bốn ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0008084 ngày 06 tháng 6 năm 2024 thành án phí, nguyên đơn ông Lê

Hồng P còn phải nộp thêm 28.790.900 đồng (hai mươi tám triệu bảy trăm chín mươi ngàn chín trăm đồng).

Bị đơn ông Hồng Châu L1 phải chịu số tiền là 15.398.900 đồng (mười lăm triệu ba trăm chín mươi tám ngàn chín trăm đồng); khấu trừ vào số tiền tạm ứng 53.090.000 đồng (năm mươi ba triệu không trăm chín mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0008005 ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 – Cần Thơ, bị đơn ông Hồng Châu L1 được nhận số tiền còn lại là 37.691.000 đồng (ba mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi một ngàn đồng).

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Lê Hồng P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng); chuyển số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí của Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003717 ngày 26 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí.

Bản án dân sự phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật ngày 30 tháng 7 năm 2026.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- TAND KV4-CT;
- Phòng THADS KV4-CT;
- Lưu hồ sơ, lưu án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thùy Trang